

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186/2024/DS-ST
Ngày: 30-12-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Tống Văn Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 458/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P; địa chỉ: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1998; địa chỉ: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Hoan K, sinh năm 1982 và bà Lê Ngọc Ngân H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ A, khu phố 1, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2024, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P với ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ để vay vốn tại OCB chi tiết như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số TDCN21005023/2021/CGD/HĐTD ngày 30/11/2021 và Khế ước nhận nợ số TDCN21005023/2021/CGD/KUNN ngày 01/12/2021:

Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản.

Thời hạn vay: 180 tháng.

Lãi suất: 8,5%/năm, cố định trong 24 tháng đầu. Từ tháng 25 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kì 6 tháng/lần (gọi là Kỳ điều chỉnh lãi suất). Kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 01/12/2023 với công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ tối thiểu (2). Trong đó, Lãi suất cơ sở là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được Tổng Giám đốc ban hành từng thời kỳ. Biên độ tối thiểu là 3,5%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150 % lãi suất vay trong hạn.

2. Hợp đồng tín dụng số 0139/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 16/04/2022 và Khế ước nhận nợ số 0139/2022/KUNN-OCB-CN ngày 18/04/2022:

Số tiền vay: 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Honda BRIO RS OP1.

Thời hạn vay: 84 tháng.

Lãi suất: 9,4%/năm, cố định trong 12 tháng đầu. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kì 6 tháng/lần. Kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 18/04/2023 với công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ tối thiểu (2). Trong đó, Lãi suất cơ sở là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được Tổng Giám đốc ban hành từng thời kỳ. Biên độ tối thiểu là 3,9%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150 % lãi suất vay trong hạn.

3. Hợp đồng tín dụng số TDCN22018213/2022/CGD/HĐTD ngày 16/08/2022 và Khế ước nhận nợ số TDCN22018213/2022/CGD/KUNN ngày 16/08/2022:

Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản.

Thời hạn vay: 180 tháng.

Lãi suất: 10,49%/năm, cố định trong 24 tháng đầu. Từ tháng 25 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kì 6 tháng/lần. Kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày

16/08/2024 với công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ tối thiểu (2). Trong đó, Lãi suất cơ sở là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được Tổng Giám đốc ban hành từng thời kỳ. Biên độ tối thiểu là 3,5%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150 % lãi suất vay trong hạn.

4. Hợp đồng tín dụng số TDCN22018213/2022/CGD/HĐTD ngày 16/08/2022 và Khế ước nhận nợ số TDCN22018213/2022/CGD/KUNN-02 ngày 05/09/2022:

Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản.

Thời hạn vay: 180 tháng.

Lãi suất: 10,49%/năm, cố định trong 24 tháng đầu. Từ tháng 25 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 31/08/2024 với công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ tối thiểu (2). Trong đó, Lãi suất cơ sở là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được Tổng Giám đốc ban hành từng thời kỳ. Biên độ tối thiểu là 3,5%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150 % lãi suất vay trong hạn.

5. Hợp đồng tín dụng số ST23015252/2023/CGD/HĐTD ngày 08/06/2023 và Khế ước nhận nợ số ST23015252/2023/CGD/KUNN ngày 08/06/2023:

Số tiền vay: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Mục đích vay: Tiêu dùng.

Thời hạn vay: 120 tháng.

Lãi suất: Trong 3 tháng đầu tiên: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12,3%/năm. Từ tháng 04 trở đi: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 08/09/2023 theo công thức lãi suất như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất tham chiếu (i) + Biên độ tối thiểu (ii). Trong đó, Lãi suất tham chiếu là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được Tổng Giám đốc ban hành từng thời kỳ. Biên độ tối thiểu là 3,8%/năm.

5. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng phi vật lý dành cho khách hàng cá nhân ngày 05/08/2022:

Hạn mức thẻ tín dụng: 100.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên bao gồm:

1. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 1405, tờ bản đồ 47 tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh, Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 109497, số vào sổ cấp GCN: CS04981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/01/2017, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày

01/07/2019 cho ông Trần Hoan K. Tài sản bảo đảm đã được công chứng thể chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số TDCN21005023/2021/CGD/HĐTC ngày 30/11/2021 số công chứng 5549 quyền số 10/2021 TP/CC-SCC/HĐGD và phụ lục Hợp đồng thế chấp TDCN21005023/2021/CGD/HĐTC-SĐBS-01 ngày 16/08/2022 số công chứng 4833 quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Dĩ An, đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

2. Xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: BRIO RS OP1, số máy: L12B34452091, số khung: MHRDD1870MJ050353, biển kiểm soát: 61K-06172 mang tên bà Lê Ngọc Ngân H theo giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 61 037343 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/04/2022. Tài sản bảo đảm đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0139/2022/BĐ ngày 16/04/2022 được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/04/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong tất cả các Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ số và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng phi vật lý dành cho khách hàng cá nhân được ký kết giữa OCB với ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H. Vì vậy đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với OCB.

Tổng số nợ của ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H theo các Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng phi vật lý dành cho khách hàng cá nhân tạm tính đến ngày 10/12/2024 là 6.225.626.316 đồng, gồm: Tiền nợ gốc là 5.583.514.502 đồng, nợ lãi là 508.925.025 đồng, nợ thẻ tín dụng là 133.186.789 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P số tiền tạm tính đến ngày 10/12/2024 theo Hợp đồng tín dụng số TDCN21005023/2021/CGD/HĐTD ngày 30/11/2021; Số 0139/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 16/04/2022; số TDCN22018213/2022/CGD/HĐTD ngày 16/08/2022; Số ST23015252/2023/CGD/HĐTD ngày 08/06/2023 và các Khế ước nhận nợ số TDCN21005023/2021/CGD/KUNN ngày 01/12/2021; 0139/2022/KUNN-OCB-CN ngày 18/04/2022; TDCN22018213/2022/CGD/KUN ngày 16/8/2022; TDCN22018213/2022/CGD/KUNN ngày 05/09/2022; ST23015252/2023/CGD/KUNN ngày 08/06/2023; Giấy đề nghị

kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng phi vật lý dành cho khách hàng cá nhân ngày 05/08/2022 là 6.225.626.316 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc là 5.583.514.502 đồng, nợ lãi là 508.925.025 đồng, nợ thẻ tín dụng là 133.186.789 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P.

+ Nếu ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 1405, tờ bản đồ 47 tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh, Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 109497, số vào sổ cấp GCN: CS04981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/01/2017, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày 01/07/2019 cho ông Trần Hoan K theo Hợp đồng thế chấp số TDCN21005023/2021/CGD/HĐTD ngày 30/11/2021 và phụ lục hợp đồng thế chấp TDCN21005023/2021/CGD/HĐTC-SĐBS-01 ngày 16/8/2022.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: BRIO RS OP1, số máy: L12B34452091, số khung: MHRDD1870MJ050353, biển kiểm soát: 61K-06172 mang tên bà Lê Ngọc Ngân H theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 037343 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/04/2022.

Bị đơn ông Trần Hoan K trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn về quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng số TDCN21005023/2021/CGD/HĐTD ngày 30/11/2021; Số 0139/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 16/04/2022; số TDCN22018213/2022/CGD/HĐTD ngày 16/08/2022; Số ST23015252/2023/CGD/HĐTD ngày 08/06/2023 và các Khế ước nhận nợ số TDCN21005023/2021/CGD/KUNN ngày 01/12/2021; 0139/2022/KUNN-OCB-CN ngày 18/04/2022; TDCN22018213/2022/CGD/KUN ngày 16/8/2022; TDCN22018213/2022/CGD/KUNN ngày 05/09/2022; ST23015252/2023/CGD/KUNN ngày 08/06/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng phi vật lý dành cho khách hàng cá nhân ngày 05/08/2022. Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn đầy đủ. Bị đơn đã nhận đủ số tiền trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn do thời điểm sau khi vay tiền làm ăn gặp nhiều khó khăn, mất khả

năng thanh toán. Bị đơn đã tìm nhiều cách để thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn nhưng chưa được. Ngoài ra hiện nay vợ là bà H cũng có nhiều khoản nợ phải thanh toán, do đó không thường xuyên ở nhà cùng làm với ông K để trả tiền cho ngân hàng.

Nay nguyên đơn khởi kiện với các yêu cầu trên thì ông K hoàn toàn đồng ý. Ông K xác định việc vay tiền, thế chấp là của vợ chồng ông K bà H, không liên quan đến ai khác. Đề nghị không đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng. Hiện nay bà H cũng đã có văn bản trình bày cho Toà án về việc giải quyết vụ án, thống nhất trả nợ cho ngân hàng cũng như phát mãi tài sản nhưng do bà H không đến Toà án làm việc nên có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đề nghị giải quyết theo quy định. Không có yêu cầu phản tố.

Bị đơn bà Lê Ngọc Ngân H trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn về quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng số TDCN21005023/2021/CGD/HĐTD ngày 30/11/2021; Số 0139/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 16/04/2022; số TDCN22018213/2022/CGD/HĐTD ngày 16/08/2022; Số ST23015252/2023/CGD/HĐTD ngày 08/06/2023 và các Khế ước nhận nợ số TDCN21005023/2021/CGD/KUNN ngày 01/12/2021; 0139/2022/KUNN-OCB-CN ngày 18/04/2022; TDCN22018213/2022/CGD/KUN ngày 16/8/2022; TDCN22018213/2022/CGD/KUNN ngày 05/09/2022; ST23015252/2023/CGD/KUNN ngày 08/06/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng phi vật lý dành cho khách hàng cá nhân ngày 05/08/2022. Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn đầy đủ. Bị đơn đã nhận đủ số tiền trên.

Đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do có công việc không đến toà làm việc được nên yêu cầu được giải quyết vắng mặt. Không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về số tiền vay có thay đổi như sau: Yêu cầu bị đơn ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H thanh toán số tiền tính đến ngày 30/12/2024 là 6.265.449.435 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc là 5.583.514.502 đồng, nợ lãi là 544.546.158 đồng (Gồm: Nợ lãi trong hạn là 524.154.293 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.577.168 đồng, phí quá hạn là 8.814.697 đồng), nợ thẻ tín dụng là 137.388.775 đồng (Gồm: Nợ gốc là 98.659.332 đồng, nợ lãi là 34.107.633 đồng, phí là 4.621.810 đồng). Kể từ ngày 31/12/2024 ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H còn phải trả tiền lãi, phí phát sinh theo thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi

ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H. Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: BRIO RS OP1, số máy: L12B34452091, số khung: MHRDD1870MJ050353, biển kiểm soát: 61K-06172 mang tên bà Lê Ngọc Ngân H theo giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 61 037343 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/04/2022.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[1.3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu phát mãi 01 ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: BRIO RS OP1, số máy: L12B34452091, số khung: MHRDD1870MJ050353, biển kiểm soát: 61K-06172 mang tên bà Lê Ngọc Ngân H theo giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 61 037343 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/04/2022 thu hồi nợ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết các Hợp đồng tín dụng số TDCN21005023/2021/CGD/HĐTD ngày 30/11/2021; hợp đồng tín dụng số 0139/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 16/04/2022; hợp đồng tín dụng số TDCN22018213/2022/CGD/HĐTD ngày 16/08/2022; hợp đồng tín dụng số ST23015252/2023/CGD/HĐTD ngày 08/06/2023 để vay số tiền 6.510.000.000 đồng. Ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng phi vật lý dành cho khách hàng cá nhân ngày 05/08/2022 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Nguyên đơn đã giải ngân tổng số tiền 6.510.000.000 đồng cho bị đơn theo các Khế ước nhận nợ số TDCN21005023/2021/CGD/KUNN ngày 01/12/2021; số 0139/2022/KUNN-OCB-CN ngày 18/04/2022; số TDCN22018213/2022/CGD/KUN ngày 16/8/2022; số TDCN22018213/2022/CGD/KUNN ngày 05/09/2022; số ST23015252/2023/CGD/KUNN ngày 08/6/2023, và 100.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng phi vật lý dành cho khách hàng cá nhân. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa hai bên thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Tại các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đều quy định rõ về thời hạn vay, thời hạn thanh toán tiền lãi hàng tháng và lãi suất cụ thể. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 30/12/2024 là 6.265.449.435 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc là 5.583.514.502 đồng, nợ lãi là

544.546.158 đồng (Gồm: Nợ lãi trong hạn là 524.154.293 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.577.168 đồng, phí quá hạn là 8.814.697 đồng), nợ thẻ tín dụng là 137.388.775 đồng (Gồm: Nợ gốc là 98.659.332 đồng, nợ lãi là 34.107.633 đồng, phí là 4.621.810 đồng) và và tiền lãi, phí phát sinh theo thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 31/12/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1405, tờ bản đồ 47 tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh, Bình Dương.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 1405, tờ bản đồ 47 tọa lạc tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh, Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 109497, số vào sổ cấp GCN: CS04981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/01/2017. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày 01/07/2019 cho ông Trần Hoan K.

Giữa ông K, bà H và nguyên đơn đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TDCN21005023/2021/CGD/HĐTC ngày 30/11/2021 số công chứng 5549 quyền số 10/2021 TP/CC-SCC/HĐGD và phụ lục Hợp đồng thế chấp TDCN21005023/2021/CGD/HĐTC-SĐBS-01 ngày 16/08/2022 số công chứng 4833 quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Dĩ An, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi Nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đồng Phú ngày 30/11/2021 mục đích để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của bị đơn, bao gồm cả tài sản trên đất.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp nêu trên thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng ý phát mãi tài sản nêu trên trong trường hợp không thanh toán được nợ cho nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu số tiền này để hoàn trả cho nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 200; Điều 201; Khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P với bị đơn ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H về việc “Yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: BRIO RS OP1, số máy: L12B34452091, số khung: MHRDD1870MJ050353, biển kiểm soát: 61K-06172 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/04/2022 cho bà Lê Ngọc Ngân H theo giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 61 037343”

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P với bị đơn ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P tổng số tiền tính đến ngày 30/12/2024 là 6.265.449.435 đồng (Sáu tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng), bao gồm: Tiền nợ gốc là 5.583.514.502 đồng, nợ lãi là 544.546.158 đồng (Gồm: Nợ lãi trong hạn là 524.154.293 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.577.168 đồng, phí quá hạn là 8.814.697 đồng), nợ thẻ tín dụng là 137.388.775 đồng (Gồm: Nợ gốc là 98.659.332 đồng, nợ lãi là 34.107.633 đồng, phí là 4.621.810 đồng).

- Ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H còn phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P số tiền lãi, phí phát sinh theo thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng số TDCN21005023/2021/CGD/HĐTD ngày 30/11/2021; số 0139/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 16/04/2022; số TDCN22018213/2022/CGD/HĐTD ngày 16/08/2022; số ST23015252/2023/CGD/HĐTD ngày 08/06/2023; Khế ước nhận nợ số TDCN21005023/2021/CGD/KUNN ngày 01/12/2021; số 0139/2022/KUNN-OCB-CN ngày 18/04/2022; số TDCN22018213/2022/CGD/KUN ngày 16/8/2022; số TDCN22018213/2022/CGD/KUNN ngày 05/09/2022; số ST23015252/2023/CGD/KUNN ngày 08/6/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng phi vật lý dành cho khách hàng cá nhân ngày 05/08/2022 tính từ ngày 31/12/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Trường hợp ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H không trả được nợ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi và xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1405, tờ bản đồ 47 tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh, Bình Dương, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 109497, số vào sổ cấp GCN: CS04981 ngày 12/01/2017. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày 01/07/2019 cho ông Trần Hoan K để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hoan K và bà Lê Ngọc Ngân H phải chịu số tiền 114.265.449 đồng (Một trăm mười bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P số tiền 56.972.000 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004607 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan

